

# Dẫn liệu mới về thành phần loài và sự phân bố của lưỡng cư, bò sát ở Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Phan Thị Hoa<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Lân Hùng Sơn<sup>2</sup>,  
Đinh Thị Phương Anh<sup>1</sup>, Vũ Ngọc Thành<sup>3</sup>

<sup>1</sup>*Đại học Đà Nẵng, 41 Lê Duẩn, Đà Nẵng, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

<sup>3</sup>*Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 09 tháng 1 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 2 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 2 năm 2014

**Tóm tắt:** Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sơn Trà là một bán đảo thuộc địa phận hành chính phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Điều tra khu hệ lưỡng cư, bò sát từ tháng 2/2012 đến tháng 10/2013 tại KBTTN Sơn Trà, chúng tôi đã ghi nhận được **70 loài** trong đó bao gồm **18 loài lưỡng cư** (thuộc 6 họ, 1 bộ) và **52 loài bò sát** (thuộc 13 họ, 2 bộ). Trong đó, **9 loài được liệt kê trong Danh lục Đỏ IUCN (2013), 15 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 8 loài trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, 12 loài trong Công ước CITES**. So với các kết quả công bố trước đây, nghiên cứu này đã bổ sung cho KBTTN Sơn Trà 30 loài, cho thành phố Đà Nẵng 13 loài lưỡng cư và bò sát. Nghiên cứu sự phân bố của các loài lưỡng cư, bò sát trên 4 sinh cảnh chính tại khu vực nghiên cứu cho thấy sinh cảnh rừng thứ sinh có số loài lưỡng cư, bò sát nhiều nhất với 16 loài lưỡng cư và 33 loài bò sát ghi nhận được ở sinh cảnh này.

*Từ khóa:* Sơn Trà, bán đảo, lưỡng cư, bò sát, thành phần loài, phân bố.

## 1. Đặt vấn đề

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Sơn Trà là một bán đảo được thành lập theo Quyết định số 41/TTg ngày 24/1/1977 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc địa phận hành chính phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng có tổng diện tích quy hoạch là 4.439 ha, trong

đó phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là 2.595 ha, phân khu phục hồi sinh thái là 1.844 ha. Bán Đảo Sơn Trà nằm ở vị trí địa lý: 16<sup>0</sup>06' - 16<sup>0</sup>09' vĩ độ Bắc, 108<sup>0</sup>13' - 108<sup>0</sup>21' kinh độ Đông. Địa hình núi thấp có độ cao trung bình 350 m, các sườn chạy theo hướng Bắc Nam có độ dốc từ 25<sup>0</sup> - 30<sup>0</sup> và bị chia cắt mạnh bởi hệ thống các kênh suối. Đỉnh cao nhất là 696 m. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12, mùa khô từ tháng

\* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-511-3836169  
Email: hoaphansdh@gmail.com

2 đến tháng 8. Nhiệt độ trung bình 28-29°C[1]. Những nghiên cứu về khu hệ lưỡng cư, bò sát tại đây chưa nhiều. Trong Danh lục lưỡng cư, bò sát của Nguyen et al. (2009) ghi nhận có 4 loài lưỡng cư và 19 loài bò sát [2]. Nghiên cứu của Đinh Thị Phương Anh và cs.(2000, 2009) thống kê được 12 loài lưỡng cư và 38 loài bò sát [3,4]. Vì vậy, việc nghiên cứu, bổ sung các dẫn liệu mới về khu hệ lưỡng cư, bò sát ở khu vực này là cần thiết, làm cơ sở khoa học cho việc quy hoạch, quản lý bảo tồn bền vững tài nguyên thiên nhiên nơi đây.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

- *Thời gian, địa điểm nghiên cứu*: Chúng tôi đã tiến hành khảo sát từ tháng 2/2012 đến 10/2013 chia làm 10 đợt tại 8 điểm nghiên cứu gồm: (1) Suối 535 (16°07'39.0"-108°14'47.6"): Khảo sát dọc theo suối đá; (2) Khu vực tuyến không gian xanh (16°07'37.4"- 108°16'94.3"): Khảo sát dọc theo đường mòn tuyến du lịch sinh thái Không gian xanh; (3) Khu Du lịch sinh thái Trường Mai (16°08'34.3"-108°19'00.3"): Thu mẫu dọc theo Suối Nai và sinh cảnh rừng thường xanh quanh khu vực Công ty Trường Mai; (4) Đỉnh Bàn Cờ (16°07'43.3"-108°14'46.5"): Khảo sát dọc theo các tuyến đường mòn trong rừng; (5) Suối Bản (16°08'34.3"- 108°19'00.3"); (6) Bãi Bắc (16°08'21.5"-108°19' 20.3"): Khảo sát dọc theo suối và các tuyến đường mòn trong rừng; (7) Suối Đá (16°06'55.5"-108°15'20.6"); (8) Doanh Trại bộ đội (16°07'70.1"- 108°14'55.0"): Khảo sát trên các lối mòn quanh khu vực doanh trại bộ đội.

-*Phương pháp nghiên cứu*: Mẫu vật được thu thập bằng tay, vợt, gậy bắt rắn... Thời gian thu mẫu vật vào ban ngày: từ 9h00 đến 17h00 và ban đêm từ 19 giờ đến 24 giờ. Sau khi chụp ảnh, các mẫu vật được định hình và cố định trong cồn 96<sup>0</sup> trong vòng 10-20giờ, sau đó được chuyển sang ngâm bảo quản trong cồn 70<sup>0</sup>. Các mẫu vật được chuyển về lưu giữ tại Bảo tàng Sinh vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Định loại mẫu vật theo Bourret R. (1942, 1943) [5,6]; Campden-Main (1970) [7]; Smith M.A. (1935, 1943) [8,9] Orlov et al. (2011) [10] và Nguyễn Văn Sáng (2007) [11] và các tài liệu cập nhật[12,13]. Tên khoa học, danh lục các loài được sắp xếp theo Frost (2014) [14], Uetz (2014) [15], tên phổ thông của loài theo Nguyen et al. (2009) [2]. Đánh giá giá trị bảo tồn theo Danh lục Đỏ IUCN (2014) [16], Sách Đỏ Việt Nam (2007) [17], Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ [18], Công ước quốc tế về Buôn bán động, thực vật hoang dã (CITES) [19].

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Thành phần loài

Tổng số thu thập được 220 mẫu vật bò sát và ếch nhái. Từ kết quả định loại đã thống kê được ở khu vực nghiên cứu có 70 loài thuộc 19 họ, 3 bộ, gồm 18 loài ếch nhái (chiếm 25,7% tổng số loài) thuộc 6 họ, 1 bộ và 52 loài bò sát (chiếm 74,3% tổng số loài) thuộc 13 họ, 2 bộ.

Bảng 1. Danh sách thành phần loài Lưỡng cư, bò sát ở KBTTN Sơn Trà

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	TL	Phân bố			
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>AMPHIBIA</b>	<b>LỚP LƯỠNG CƯ</b>					
	Anura	Bộ Không đuôi					
	1. Bufonidae	Họ Cóc					
	<i>Ingerophrynus galeatus</i> (Gunther, 1864)*	Cóc rừng	QS		+		
	<i>Duttaphrynus melanostictus</i> (Schneider, 1799)	Cóc nhà	M	+	+	+	+
	2. Megophryidae	Họ Cóc bùn					
	<i>Leptobrachium cf. banae</i> Lathrop, Murphy, Orlov & Ho, 1998*	Cóc mây bà nà	M	+	+		
	<i>Leptolalax applebyi</i> Rowley & Cao, 2009**	Cóc mây applebyi	M	+	+		
	3. Microhylidae	Họ Nhái bầu					
	<i>Kaloula puchra</i> Gray, 1831	Ếnh ương thường	M				+
	4. Dicroglossidae	Họ Ếch nhái chính thức					
	<i>Fejervarya limnocharis</i> (Gravenhost, 1829)	Ngóe	M		+	+	
	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i> (Wiegmann, 1834)	Ếch đồng	M		+	+	
	<i>Limnonectes kuhlii</i> (Tschudi, 1838)	Ếch nhèo	M	+	+		
	<i>Limnonectes poilani</i> (Bouret, 1942)**	Ếch poilan	M	+	+		
	<i>Occidozyga lima</i> (Gravenhorst, 1829)	Cóc nước sần	M	+	+		
	5. Ranidae	Họ Ếch nhái					
	<i>Hylarana guentheri</i> (Boulenger, 1882)	Chẫu chuộc	M	+	+		
	<i>Hylarana nigrovittata</i> (Blyth, 1856).	Ếch súi	M	+	+		
	<i>Hylarana erythraea</i> (Schlegel, 1837)	Chàng xanh	QS		+		
	6. Rhacophoridae	Họ Ếch cây					
	<i>Kurixalus banaensis</i> Bourret, 1939*	Nhái cây bà nà	M	+	+		
	<i>Kurixalus verrucosus</i> (Boulenger, 1893)**	Ếch cây sần nhỏ	M	+	+		
	<i>Polypedates mutus</i> (Smith, 1940)	Chẫu chàng mi an ma	M	+	+	+	+
	<i>Theloderma asperum</i> (Boulenger, 1886) **	Ếch cây sần át pơ	QS	+			
	<i>Theloderma stellatum</i> Taylor, 1962**	Ếch cây sần tay lo.	M	+	+	+	
	<b>REPTILIA</b>	<b>LỚP BÒ SÁT</b>					
	Squamata	Bộ Có vảy					
	Sauria	Phân bộ Thằn lằn					
	1. Agamidae	Họ Nhông					
	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829	Rồng đất	M	+	+		
	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	Ô rô vảy	M	+	+		
	<i>Calotes versicolor</i> (Daudin, 1802)	Nhông xanh	M		+	+	+
	<i>Leiolepis guentherpetersi</i> Darevsky & Kupriyanova, 1993	Nhông cát sọc	M				+
	2. Gekkonidae	Họ Tắc kè					
	<i>Cyrtodactylus pseudoquadriungatus</i> Rosler, Vu, Nguyen, Ngo & Ziegler, 2008*	Thạch sùng ngón già bốn vạch	M	+	+		
	<i>Gehyra mutilata</i> (Wiegmann, 1834)*	Thạch sùng cụt	M	+			
	<i>Gekko gecko</i> (Linnaeus, 1758)	Tắc kè	M	+	+		
	<i>Hemidactylus platyurus</i> (Schneider, 1792)**	Thạch sùng đuôi dẹp	M		+	+	
	<i>Hemidactylus frenatus</i> Schlege, 1836	Thạch sùng đuôi sần	M	+	+	+	+
	<i>Hemiphyllodactylus</i> sp.	Thạch sùng nửa lá	M	+			

3. Dibamidae	Họ Thần lằn giun					
<i>Dibamus greeri</i> Darevsky, 1992**	Thần lằn giun gô ri	M	+	+		
4. Scincidae	Họ Thần lằn bóng					
<i>Eutropis multifasciata</i> (Kuhl, 1820)	Thần lằn bóng hoa	M	+	+	+	+
<i>Eutropis macularia</i> (Blyth, 1853)	Thần lằn bóng đốm	M	+	+	+	+
<i>Eutropis longicaudata</i> (Hallowell, 1856)	Thần lằn bóng đuôi dài	QS		+	+	+
<i>Lipinia vittigera</i> (Boulenger, 1894)	Thần lằn vạch	M		+	+	
<i>Lygosoma corpulentum</i> Smith, 1921**	Thần lằn chân ngắn bao	M				+
<i>Lygosoma quadrupes</i> (Linnaeus, 1766)**	Thần lằn chân ngắn thường	M				+
<i>Plestiodon quadrilineatus</i> Blyth, 1853*	Thần lằn eme chi	M	+	+		
<i>Scincell rufocaudatus</i> Darevsky & Nguyen, 1983**	Thần lằn phê nô đuôi đỏ	M	+	+		
<i>Sphenomorphus indicus</i> (Gray, 1853)*	Thần lằn phê nô ấn độ	M		+		
<i>Tropidophorus cocincinensis</i> Dumeril & Bibron.	Thần lằn tai nam bộ	M	+	+		
5. Varanidae	Họ Kỳ đà					
<i>Varanus salvator</i> (Laurenti, 1786)	Kỳ đà hoa, kỳ đà nước	TL				
6. Pythonidae	Họ Trăn					
<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	Trăn đất	TL				
<i>Python reticulatus</i> (Schneider, 1801)	Trăn gấm	QS		+		
7. Colubridae	Họ Rắn nước					
<i>Ahaetulla prasina</i> (Reinhardt, 1827)	Rắn roi thường	M	+	+		
<i>Boiga cf. quangxiensis</i> Wen, 1998**	Rắn rào	M	+	+		
<i>Boiga mutamaculata</i> (Boie, 1827)*	Rắn rào đốm	M				+
<i>Chrysopelea ornata</i> (Shaw, 1802) *	Rắn cườm	QS	+			
<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)	Rắn sọc dưa	M		+	+	
<i>Dendrelaphis ngansonensis</i> (Bourret, 1935) *	Rắn leo cây ngân sơn	QS	+			
<i>Dendrelaphis pictus</i> (Gmelin, 1789)*	Rắn leo cây thường	M		+		
<i>Dryocalamus davisonii</i> (Blanford, 1878)**	Rắn dê	M		+		
<i>Lycodon capucinus</i> Boie in Boie 1827*	Rắn khuyết mũ	M	+	+		
<i>Lycodon</i> sp.		QS		+		
<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	Rắn ráo, rắn lái	M		+		
<i>Ptyas mucosa</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn ráo trâu, rắn hổ chuột	TL				
<i>Psammodynastes pulverulentus</i> (Boie, 1827) **	Rắn hổ đất nâu	M	+			
<i>Rhabdophis subminiatus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn hoa cỏ nhỏ	M			+	+
<i>Xenochrophis flavipunctatus</i> (Hallowell, 1861)	Rắn nước đốm vàng, rắn nước	M		+	+	
<i>Pareas margaritophorus</i> (Jan, 1866)*	Rắn hổ mây ngọc	M	+	+		
8. Elapidae	Họ Rắn hổ					
<i>Bungarus faciatus</i> (Schneider, 1801)	Rắn cạp nong	TL				
<i>Naja atra</i> Cantor, 1842	Rắn hổ mang	TL				
9. Viperidae	Họ Rắn lục					
<i>Cryptelytrops albolabris</i> (Gray, 1842)*	Rắn lục mép trắng	M	+	+	+	+
<i>Viridovipera stejnegeri</i> (Schmidt, 1925).	Rắn lục xanh	M	+	+		
<i>Viridovipera vogeli</i> (David, Vidal & Pauwels, 2001)*	Rắn lục vô gen	QS		+		

Testudines	Bộ Rùa			
10. Geoemydidae	Họ Rùa đầm			
<i>Cuora amboinensis</i> (Daudin, 1801)*	Rùa hộp lưng đen	QS		+
<i>Cuora mouhotii</i> (Gray, 1862)*	Rùa sa nhân	QS	+	
<i>Mauremys annamensis</i> (Siebenrock, 1903)	Rùa trung bộ	TL		
<i>Mauremys sinensis</i> (Gray, 1834)	Rùa cổ sọc	M	+	+
11. Testudinidae	Họ Rùa núi			
<i>Manouria impressa</i> (Gunther, 1882)	Rùa núi viền, Rùa răng cưa	TL		
12. Trionychidae	Họ Ba ba			
<i>Palea steindachneri</i> (Siebenrock, 1906)	Ba ba gai, ba ba suối	M	+	+
13. Cheloniidae	Họ Vích			
<i>Chelonia mydas</i> (Linnaeus, 1758)	Vích, Rùa xanh, Tráng, Đồi mồi dứa	M		

Ghi chú: Cột 2 (\*)(\*\*)= Loài ghi nhận bổ sung cho KBTTN Bán đảo Sơn Trà; (\*\*)= Loài ghi nhận bổ sung cho Thành phố Đà Nẵng; Cột 4: TL=Ghi nhận theo tài liệu trước đây, QS = loài ghi nhận qua quan sát trực tiếp, M = vật mẫu. Cột 5= Sinh cảnh rừng nguyên sinh. Cột 6 = Sinh cảnh rừng thứ sinh. Cột 7 = Sinh cảnh khu dân cư. Cột 8 = Sinh cảnh trảng cỏ, cây bụi.

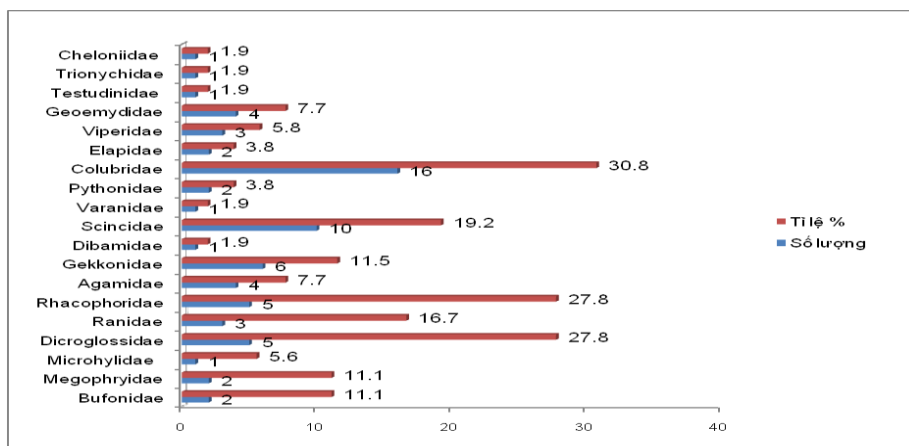
So với kết quả khảo sát của Đinh Thị Phương Anh và cs.(2009) [4], nghiên cứu này đã ghi nhận bổ sung 30 loài cho KBTTN Bán đảo Sơn Trà bao gồm 8 loài lưỡng cư và 22 loài bò sát, nhưng cũng không bắt gặp 14 loài đã từng được các tác giả ghi nhận trong khu bảo tồn. Các loài không ghi nhận lại được kể cả ở thực địa và phỏng vấn cộng đồng chủ yếu là các loài trong bộ Rùa (Testudines) như: rùa núi vàng, rùa ba gờ, rùa đất sê pôn, rùa dứa sọc, rùa tai đỏ, ba ba trơn, ba ba nam bộ. Có những loài có thể có nhầm lẫn trong định loại trước đây. Chẳng hạn như loài Châu chàng mi an ma (*Polypedates mutus*) dễ bị nhầm với loài Châu chàng mép trắng (*Polypedates leucomystax*) đã từng được ghi nhận trước đây.

Chúng tôi đã ghi nhận bổ sung vùng phân bố cho thành phố Đà Nẵng 13 loài. Đáng chú ý lần đầu tiên chúng tôi ghi nhận vùng phân bố mới của 2 loài: *Leptotalax applebyi*, loài mới được công bố dựa trên mẫu chuẩn thu được ở

KBTTN Sông Thanh, tỉnh Quảng Nam (Rowly and Cao, 2009)[20] và *Theloderma stellatum*, loài khá hiếm gặp, mới chỉ được ghi nhận ở Tây Nguyên, Đồng Nai và Kiên Giang (Nguyen et al., 2009) [2].

### 3.2. Đa dạng thành phần loài

Đa dạng thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở Bán đảo Sơn Trà được thể hiện trong hình 1. Qua đó cho thấy, trong lớp lưỡng cư, đa dạng nhất là họ Ếch nhái chính thức (Dicroglossidae) và Họ Ếch cây (Rhacophoridae) với 5 loài ở mỗi họ, kém đa dạng nhất là họ Nhái bầu (Microhylidae) chỉ có 1 loài. Trong lớp Bò sát, họ Rắn nước (Colubridae) đa dạng nhất (16 loài), tiếp đến là họ Thằn lằn bóng (Scincidae) có 10 loài, kém đa dạng nhất là các họ Varanidae, Testudinidae, Trionychidae, Cheloniidae chỉ có 1 loài.



Hình 1. Đa dạng loài trong các họ của khu hệ lưỡng cư, bò sát ở KBTTN Sơn Trà.

So với một số KBTTN và Vườn quốc gia (VQG) lân cận thì thành phần loài của KBTTN Sơn Trà kém đa dạng hơn với VQG Bạch Mã (108 loài), KBTTN Bà Nà - Núi chúa (79 loài) nhưng đa dạng hơn KBTTN Ngọc Linh (53

loài) và KBTTN Sông Thanh (66 loài). Tuy nhiên ở Ngọc Linh và Tây Quảng Nam, các nghiên cứu còn chưa được thực hiện kỹ như ở VQG Bạch Mã và KBTTN Sơn Trà.

Bảng 2. So sánh sự đa dạng về các bậc taxon lưỡng cư, bò sát của KBTTN Sơn Trà và các KBTTN và VQG lân cận

Địa điểm	Diện tích	Số bộ	Số họ	Số loài	Tư liệu
KBTTN Bán đảo Sơn Trà	4.439 ha	3	19	70	Phan Thị Hoa và nmk (2014)
VQG Bạch mã	22.030 ha	3	20	108	Hoàng Xuân Quang và nmk (2012) [13]
KBTTN Bà Nà - Núi chúa	30.207 ha	3	17	79	Lê Vũ Khôi, Nguyễn Văn Sáng (2003) [21]
KBTTN Ngọc Linh	17.576 ha	4	20	53	Lê Nguyên Ngật (1997) [22]
KBTTN Sông Thanh (Tây Quảng Nam)	79.694 ha	3	19	66	Lê Nguyên Ngật, Nguyễn Văn Sáng (1999) [23]

### 3.3. Các loài có giá trị bảo tồn nguồn gen

Khu hệ ếch nhái, bò sát KBTTN Sơn Trà, có 19 loài quý, hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen (chiếm 27,14% tổng số loài) (bảng 3). Trong đó có 15 loài được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), gồm 2 loài ở bậc CR, 6 loài ở bậc EN và 7 loài ở bậc VU. Trong Danh lục Đỏ IUCN (2013) có 9 loài, gồm 1 loài ở bậc CR; 4

loài ở bậc EN, 2 loài ở bậc VU và 2 loài ở bậc LR/nt. Theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Thủ tướng chính phủ có 8 loài thuộc nhóm IIB. Trong Công ước quốc tế về Buôn bán động, thực vật hoang dã (CITES) có 12 loài, gồm 1 loài ghi ở Phụ lục I, 10 loài ghi ở Phụ lục II và 1 loài ghi ở Phụ lục III.

Bảng 3. Danh sách các loài bò sát và ếch nhái quý, hiếm có giá trị bảo tồn ở KBTTN Sơn Trà

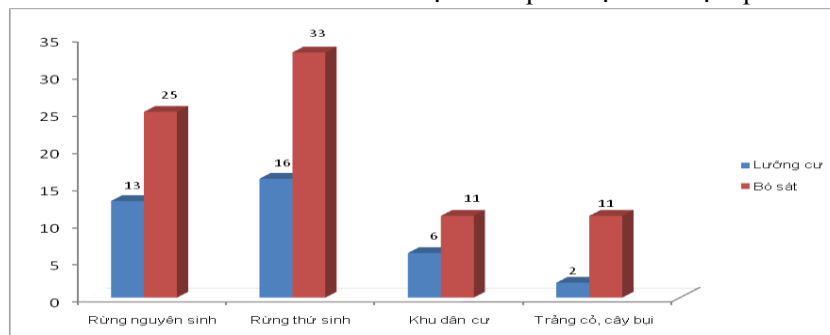
TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Mức độ bảo tồn			
			SĐVN (2007)	IUCN (2014)	NĐ 32 (2006)	CITES (2003)
1	<i>Ingerophrynus galeatus</i>	Cóc rừng	VU			
2	<i>Limnonutes poilani</i>	Ếch poilan		LR/nt		
3	<i>Physignathus cocincinus</i>	Rồng đất	VU			
4	<i>Gekko gecko</i>	Tắc kè	VU			
5	<i>Varanus salvator</i>	Kỳ đà hoa	EN	EN	IIB	II
6	<i>Python molurus</i>	Trăn đất	CR	LR/nt	IIB	II
7	<i>Python reticulatus</i>	Trăn gấm	CR		IIB	II
8	<i>Coelognathus radiatus</i>	Rắn sọc dưa	VU		IIB	
9	<i>Ptyas korros</i>	Rắn ráo, rắn lá	EN			
10	<i>Ptyas mucosa</i>	Rắn ráo trâu, rắn hổ chuột	EN		IIB	II
11	<i>Bungarus faciatus</i>	Rắn cạp nong	EN		IIB	
12	<i>Najs atra</i>	Rắn hổ mang	EN		IIB	II
13	<i>Cuora amboinensis</i>	Rùa hộp lưng đen	VU	VU		II
14	<i>Cuora mouhotii</i>	Rùa sa nhân		EN		II
15	<i>Mauremys annamensis</i>	Rùa trung bộ		CR		II
16	<i>Mauremys sinensis</i>	Rùa cổ sọc		EN		III
17	<i>Manouria impressa</i>	Rùa núi viền, rùa răng cưa	VU	VU	IIB	II
18	<i>Palea steindachneri</i>	Ba ba gai, ba ba suối	VU	EN		II
19	<i>Chelonia mydas</i>	Vích, rùa xanh, trắng, đồi mồi dứa	EN			I

**Ghi chú:** SĐVN (2007) = Sách Đỏ Việt Nam (2007) và IUCN (2012) = Danh lục đỏ IUCN (2013): CR Rất nguy cấp, EN: Nguy cấp, VU: Sẽ nguy cấp, LR/nt: Sắp bị đe dọa. NĐ/2006/NĐ-CP (2006) = Nghị định 32 của Chính phủ: Nhóm IIB: Hạn chế khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại. CITES (2013) = Công ước quốc tế về Buôn bán động, thực vật hoang dã: Phụ lục I: Nghiêm cấm xuất khẩu, Phụ lục II: Cho phép xuất khẩu có kiểm soát, Phụ lục III: Hợp tác xuất khẩu.

### 3.2. Sự phân bố theo sinh cảnh

Dựa vào đặc điểm điều kiện tự nhiên của KBTTN Sơn Trà, chúng tôi ghi nhận sự phân

bố ếch nhái, bò sát ở vùng nghiên cứu theo 4 dạng sinh cảnh chính, bao gồm: rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh, khu dân cư và trắng cỏ, cây bụi. Kết quả được thể hiện qua hình 2.



Hình 2. Biểu đồ phân bố các loài lưỡng cư, bò sát theo các dạng sinh cảnh chính ở KBTTN Sơn Trà.

Ở KBTTN Sơn Trà phần lớn là rừng thứ sinh với hơn 20 con suối lớn nhỏ, là môi trường sống rất thuận lợi cho các loài lưỡng cư và bò sát. Khu vực dân cư và trồng cỏ, cây bụi chiếm diện tích nhỏ và chỉ phân bố ở rìa ngoài của khu bảo tồn nên số loài phân bố ở các khu vực này rất thấp.

Kết quả cho thấy trong 18 loài lưỡng cư có đến 16 loài sống ở sinh cảnh rừng thứ sinh (chiếm 88,9%), 13 loài sống ở sinh cảnh rừng nguyên sinh (72,2%), 6 loài sống ở sinh cảnh trồng cỏ, cây bụi (33,3%) và thấp nhất là sinh khu dân cư với 2 loài (11,1%). Trong 52 loài bò sát có 33 loài phân bố chủ yếu ở rừng thứ sinh (chiếm 63,5%), 25 loài ở sinh cảnh rừng nguyên sinh (40,1%), ở sinh cảnh khu dân cư và trồng cỏ, cây bụi có số loài thấp nhất với 11 loài (21,2%).

#### 4. Kết luận

- Đã ghi nhận ở KBTTN Sơn Trà có 70 loài thuộc 19 họ, 3 bộ gồm 18 loài ếch nhái (thuộc 6 họ, 1 bộ) và 52 loài bò sát (thuộc 13 họ, 2 bộ). Trong đó bổ sung phân bố cho khu hệ bò sát, ếch nhái ở KBTTN Sơn Trà 30 loài và cho thành phố Đà Nẵng 13 loài.

- Đa dạng thành phần loài bò sát và ếch nhái của KBTTN Sơn thấp hơn VQG Bạch Mã và KBTTN Bà Nà - Núi Chúa, nhưng cao hơn KBTTN Ngọc Linh và KBTTN Sông Thanh.

- Đã xác định có 19 loài bò sát và ếch nhái quý, hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen ở KBTTN Sơn Trà, bao gồm 15 loài bị đe dọa cấp quốc gia (Sách Đỏ Việt Nam, 2007), 9 loài bị đe dọa cấp toàn cầu (Danh lục Đỏ IUCN, 2014), 8 loài được bảo vệ theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP của chính phủ và 12 loài được bảo vệ theo Công ước CITES, 2013.

- Các loài lưỡng cư, bò sát phân bố chủ yếu ở sinh cảnh rừng thứ sinh và ít phân bố ở sinh cảnh trồng cỏ, cây bụi.

#### Lời cảm ơn

Đề tài được thực hiện với sự tạo điều kiện của BQL KBTTN Sơn Trà. Xin cảm ơn NCS. Lê Trung Dũng (trường ĐHSP Hà Nội) đã hỗ trợ trong quá trình thực địa và phân tích mẫu vật.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ủy ban Nhân dân quận Sơn Trà, Quy hoạch phát triển tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Sơn Trà đến năm 2020, 2010.
- [2] Nguyen, S. V., Ho, C. T., Nguyen, T. Q., Herpetofauna of Vietnam, Edition Chimaira, Frankfurt am Main, 768 pp., 2009.
- [3] Đinh Thị Phương Anh, Trần Thị Ánh Hương Thành phần loài ếch nhái và bò sát tại Khu bảo tồn thiên nhiên bán đảo Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Báo cáo khoa học Hội thảo quốc gia về lưỡng cư, bò sát ở Việt Nam lần thứ nhất, NXB Đại học Huế: tr.19-24., 2009.
- [4] Đinh Thị Phương Anh, Nguyễn Minh Tùng, Khu hệ bò sát, ếch nhái khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà - Đà Nẵng, Tạp chí sinh học 22(15), tr: 30-33, 2000.
- [5] Bourret R., Les Batraciens de l'Indochine, Gouv. Gén. Indoch, Hanoi. 517pp., 1942.
- [6] Bourret R., Sauria, 1943 (Bản thảo).
- [7] Campden-Main, A field guide to the snakes of South Vietnam, Washington, 114 pp., 1970.
- [8] Smith, M.A., The fauna of British India, including Ceylon and Burma. Reptilia and Amphibia, Vol.2-Sauria, Taylor and Francis, London, 440 pp., 1935.
- [9] Smith, M.A., The fauna of British India, Ceylon and Burma, including the whole of the Indo - Chinese subregion, Reptilia and Amphibia, Vol.3-Serpentes, London, 583 pp., 1943.
- [10] Orlov N.L., Nguyen T.T., Nazarov R.A. & Melnikov D.A., Russian Journal of Herpetology, 18(2), 154-156, 2011.
- [11] Nguyễn Văn Sáng, Động vật chí Việt Nam (Phần bộ Rắn), tập 4, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2007.



- [12] Das, I., A field guide to the Reptiles of South-east Asia, New Holland Publishers Ltd., 2010.
- [13] Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo, Ngô Đắc Chúng,Ếch nhái, bò sát ở Vườn quốc gia Bạch Mã, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2012.
- [14] Frost, D. R., Amphibian Species of the World: an online reference, Version 5.5. Electronic, 2014 Database accessible at <http://research.amph.org/herpetology/amphibia>. American museum of Natural History, New York, USA
- [15] Uetz, P. & Jirí Hosek, The Reptile Database, <http://www.reptile-database.org>, accessed Jan 8, 2014. Zoological Museum Hamburg, Germany
- [16] IUCN, Red List of Threatened Species ver.2013.2, download from: <http://www.iucnredlist.org>, 2014
- [17] Trần Kiên, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Văn Sáng, Phạm Thược, phần Bò sát-Lưỡng cư, tr. 219-276 + 8 Phụ lục, trong Đặng Ngọc Thanh, Trần Kiên, Đặng Huy Huỳnh, Nguyễn Cử, Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Huy Yết, Đặng Thị Đáp, Sách Đỏ Việt Nam-Phần I. Động vật, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2007.
- [18] Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm, 2006.
- [19] CITES, List Species database, 2013, UNEP-WCMC Species database, download from: <http://www.unep-wcmc.org/>, 2014.
- [20] Rowly, J.J.L., and T.T.Cao, A new species of *Leptolalax* (Anura: Megophryidae) from central Vietnam. *Zootaxa* 2198: 51-60, 2009.
- [21] Lê Vũ Khôi, Nguyễn Văn Sáng, Đa dạng thành phần loài bò sát, lưỡng cư ở khu vực Bà Nà (Hòa Vang, Đà Nẵng), Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống, tr.638-642, 2003.
- [22] Lê Nguyên Ngật, Thành phần loài ếch nhái và bò sát ở vùng núi Ngọc Linh - Kon Tum, Tạp chí sinh học 19(4), tr: 17-21, 1997.
- [23] Lê Nguyên Ngật, Nguyễn Văn Sáng, Kết quả khảo sát bước đầu hệ ếch nhái, bò sát ở vùng rừng Tây Quảng Nam, Tạp chí sinh học 21(1), tr: 11-16, 1999.

## New Records of the Herpetofauna in the Sơn Trà Nature Reserve, Đà Nẵng Province

Phan Thị Hoa<sup>1</sup>, Nguyễn Lâm Hùng Sơn<sup>2</sup>,  
Đình Thị Phương Anh<sup>1</sup>, Vũ Ngọc Thành<sup>3</sup>

<sup>1</sup>University of Da Nang, 41 Lê Duẩn, Đà Nẵng City, Vietnam

<sup>2</sup>Hanoi National University of Education, 136 Xuân Thủy, Hanoi, Vietnam

<sup>3</sup>Hanoi University of Science, 334 Nguyễn Trãi, Hanoi, Vietnam

**Abstract:** We carried on eight field surveys on the herpetofauna within the Sơn Trà Nature Reserve of Đà Nẵng city from February 2012 to October 2013. A total of 70 species were recorded from this nature reserve, comprising 18 amphibians (belonging to 6 families, 1 order) and 52 species reptiles (belonging to 13 families, 2 orders). Of which, 9 species are listed in the IUCN Red List (2014), 15 species in the Vietnam Red Data Book (2007), 8 species in the Governmental Decree No 32/2006 ND-CP(2006) and 12 species in the CITES . In this study, we reported 30 additional species (8 species of amphibians and 22 species of reptiles) to the list of Đình Thị Phương Anh (2009) and Nguyễn et al. (2009). We also documented new records of 13 species in Đà Nẵng City. Remarkably, *Leptolalax applebyi*, a newly described species of Megophryidae from Quảng Nam province in 2009, was recorded for the first time in Đà Nẵng.

**Keywords:** Sơn Trà, peninsula, herpetofauna, species, distribution.